

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 7 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA-TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tô Mạnh Tiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thiết Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Tiêm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Duyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ: Ông Đỗ Tiến Thành – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khu 12, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu 12, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Chị H, anh C đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Tạ Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức C ngày 12/7/2017 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc, đã được Ủy ban nhân dân xã Y cũ nay là xã T, huyện H đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống cùng gia đình anh C. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, chị và

anh C thường bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc, thường xảy ra cãi nhau. Từ khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn lại tình cảm nhưng không đem lại kết quả. Từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, chị và anh C đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức C có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật V, sinh ngày 12/12/2017, hiện cháu còn nhỏ và do chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Đức C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã triệu tập anh C đến lần thứ 2 nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chị Tạ Thị H.

Tòa án đã xác minh tại gia đình, chính quyền địa phương nơi chị H và anh C cư trú, kết quả như sau: Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Đức T trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Đức C, ông đã biết việc chị Tạ Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh C. Anh C, chị H hiện vẫn có hộ khẩu cùng với hộ khẩu của ông, tại khu 12, xã T chưa chuyển khẩu đến nơi nào khác. Ông đã nhận thay anh C các văn bản do Tòa án giao cho anh C và đã liên lạc, thông báo ngay cho anh C được biết nội dung, vì anh C hiện đi làm xa nên không về Tòa án làm việc được. Mâu thuẫn vợ chồng anh, chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần nhưng không đem lại kết quả, không thể hàn gắn lại tình cảm. Từ giữa năm 2019, vợ chồng chị H, anh C đã sống ly thân không còn chung sống cùng nhau. Việc chị H xin ly hôn anh C, gia đình tôn trọng ý kiến của anh, chị. Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật V, hiện cháu được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn gia đình yêu cầu chị H đưa cháu về cho gia đình ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và

nguyên đơn là chị H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh C không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức C; Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật V, sinh ngày 12/12/2017, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp không xem xét giải quyết trong vụ án này; Về án phí chị H phải chịu 300.000.đ tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đức C, trú tại khu 12, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh C đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 12, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ chưa chuyển khẩu đến nơi nào khác, anh C có đi làm ăn ngoài địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Bố đẻ anh C là ông Nguyễn Đức T đã nhận các văn bản tố tụng thay cho anh C và thông báo cho anh C biết được nội dung các văn bản Tòa án đã tổng đạt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để anh C có mặt tại tòa để trình bày ý kiến nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Tạ Thị H, anh Nguyễn Đức C là hoàn toàn phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Đức C đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều

cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong trình vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị H đã làm đơn xin ly hôn anh C. Lời khai của chị H phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình, địa phương nơi anh C, chị H chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Bị đơn là anh C đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án cũng như tại phiên tòa để trình bày ý kiến của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh C không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Đức C có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật V, sinh ngày 12/12/2017. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện cháu V còn nhỏ, đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, cần tiếp tục để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C vắng mặt nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức C.

* Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật V, sinh ngày 12/12/2017, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Chị H, anh C đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

* Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000.đ theo biên lai số: AA/2020/0002684 ngày 29/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa (xác nhận đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Tạ Thị H và bị đơn anh Nguyễn Đức C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu AV,HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Tô Mạnh Tiến